

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính

Bắt đầu từ ngày 01/01/2008 và kết thúc vào ngày 31/03/2009

### I Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Kho vận Petec được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4603000331 lần đầu ngày 11/04/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp cùng với các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi như sau:

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 100.000.000.000 VND (100 tỷ VND).

Vốn góp của Công ty đến ngày 31/03/2009 là 71.925.500.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại Khu Công nghiệp Nam Tân Uyên, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương

Công ty có các đơn vị thành viên sau:

Tên

Địa chỉ

Văn phòng đại diện

63 Đào Duy Anh, Phường 9, Quận Phú Nhuận, Tp.HCM

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

- Cung cấp dịch vụ.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh:

**Hoạt động chính của Công ty là:**

- Xây dựng nhà các loại;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Vận tải hàng hóa đường bộ;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ;
- Dịch vụ đại lý vận tải đường biển
- Bốc xếp hàng hóa;
- Cho thuê nhà xưởng
- Cho thuê máy móc thiết bị và đồ dùng hữu hình;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ;
- Bán buôn mô tô, xe máy;
- Bán buôn sắt thép;
- Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm có liên quan;
- Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến;
- Bán buôn nông lâm sản, nguyên liệu và động vật sống;
- Bán buôn cao su;
- Bán buôn cà phê, chè, thủy sản;
- Bán buôn hàng may mặc.



### II Chế độ và chính sách kế toán áp dụng tại Công ty

#### 1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/04 và kết thúc vào ngày 31/03 năm tiếp theo.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

*Cho giai đoạn tài chính*

*Bắt đầu từ ngày 01/01/2008 và kết thúc vào ngày 31/03/2009*

### 2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

#### 2.1. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính.

#### 2.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

#### 2.3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán Nhật ký chung

### 3. Các chính sách kế toán áp dụng

#### 3.1. Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

#### 3.2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên

#### 3.3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

**3.3.1. Nguyên tắc ghi nhận:** Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn.



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

*Cho giai đoạn tài chính*

*Bắt đầu từ ngày 01/01/2008 và kết thúc vào ngày 31/03/2009*

**3.3.2. Lập dự phòng phải thu khó đòi:** Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

### 3.4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	03 năm
- Phương tiện vận tải	10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 năm
- Các tài sản khác	05 - 11 năm

### 3.5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

#### **Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:**

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là " tương đương tiền"
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn

20506  
CÔNG TY  
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN  
H VỊ TỬ  
CHÍNH K  
KIỂM T  
PHÍA N  
TP. H

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính  
Bắt đầu từ ngày 01/01/2008 và kết thúc vào ngày 31/03/2009

### 3.6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

### 3.7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí tiền thuê đất;

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.



### 3.8. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là nợ dài hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là nợ dài hạn.

### 3.9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và không bổ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh doanh

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên bảng cân đối kế toán là chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh hoặc đánh giá lại cuối kỳ của các khoản mục có gốc ngoại tệ của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

*Cho giai đoạn tài chính*

*Bắt đầu từ ngày 01/01/2008 và kết thúc vào ngày 31/03/2009*

### 3.10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

#### **Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

#### **Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

#### **Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

### 3.11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

*Cho giai đoạn tài chính*

*Bắt đầu từ ngày 01/01/2008 và kết thúc vào ngày 31/03/2009*

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài

### **3.12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

2050  
ÔNG  
NHIỆM  
H VỤ T  
HÌNH I  
KIỂM  
HIA I  
TP. H

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính

bắt đầu từ ngày 01/01/2008 và kết thúc vào ngày 31/03/2009

### III. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.

Đơn vị tính: VND

#### 1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/03/2009	01/01/2008
	VND	VND
Tiền mặt	46.877.002	13.277.912
Tiền gửi ngân hàng	940.176.368	13.063.101.492
Tiền gửi VND	931.025.107	13.056.639.456
Ngân hàng TMCP Đông Á	928.129.628	13.045.721.520
Ngân hàng Vietcombank - CN Tp.HCM	1.496.688	10.917.936
Ngân hàng Techcombank	1.398.791	
Tiền gửi ngoại tệ (USD)	9.151.261	6.462.036
Ngân hàng TMCP Đông Á	2.359.149	1.614.945
Ngân hàng Vietcombank - CN Tp.HCM	5.095.186	4.847.091
Ngân hàng Techcombank	1.696.926	
<b>Tổng cộng</b>	<b>987.053.370</b>	<b>13.076.379.404</b>

#### Ghi chú:

- Tiền mặt tồn quỹ trên bảng cân đối kế toán ngày 31/03/2009 khớp với biên bản kiểm kê thực tế
- Tiền gửi Ngân hàng vào ngày 31/03/2009 trên bảng cân đối kế toán phù hợp với các xác nhận số dư Ngân hàng.

#### 2. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/03/2009	01/01/2008
	VND	VND
<b>2.1. Phải thu khách hàng</b>	<b>638.739.587</b>	
<b>Chi tiết số dư khoản mục phải thu khách hàng tại ngày 31/03/2009 là:</b>		
Trong đó:		
Công ty Louis Dreyfus Commodity Suisse SA	323.971.090	
Công ty TNHH Louis Dreyfus Commodity VN	117.483.642	
Công ty TNHH Cà phê Hoàng Thiên	97.042.600	
Công ty TNHH Hưng Lộc	41.298.200	
Công ty TNHH Sato Sangyo Việt Nam	25.666.101	
Các đối tượng khác	33.277.954	
<b>Tổng cộng</b>	<b>638.739.587</b>	



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính  
bắt đầu từ ngày 01/01/2008 và kết thúc vào ngày 31/03/2009

### 2.2. Trả trước cho người bán

31/03/2009	01/01/2008
VND	VND
<u>187.634.004</u>	<u>541.190.000</u>

Chi tiết số dư khoản mục trả trước cho người bán tại ngày 31/03/2009 là:

Trong đó:	
Công ty TNHH Trường Phát	55.084.000
Phạm Thủy Loan	102.500.000
Nguyễn Thị Ba	29.100.000
Các đối tượng khác	950.004
<b>Tổng cộng:</b>	<u><u>187.634.004</u></u>

31/03/2009	01/01/2008
VND	VND
<u>89.513.581</u>	<u>984.000</u>

### 2.3. Các khoản phải thu khác

Chi tiết số dư khoản mục phải thu khác tại ngày 31/03/2009 là:

Trong đó:	
Nguyễn Quang Đức - Petec Land	75.000.000
Nhà bếp Công ty Petec	176.000
Công đoàn Công ty	14.337.581
<b>Tổng cộng</b>	<u><u>89.513.581</u></u>

### 3. HÀNG TỒN KHO

	31/03/2009	01/01/2008
	VND	VND
Giá gốc của hàng tồn kho		
- Hàng mua đang đi đường		
- Nguyên liệu, vật liệu	123.859.814	
- Công cụ, dụng cụ		
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang		
- Thành phẩm		
- Hàng hoá		
- Hàng gửi đi bán		
- Hàng hóa kho bảo thuế		
- Hàng hóa bất động sản		
<b>Tổng cộng</b>	<u><u>123.859.814</u></u>	<u><u>-</u></u>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
*Cho giai đoạn tài chính*  
*bắt đầu từ ngày 01/01/2008 và kết thúc vào ngày 31/03/2009*

**4. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	31/03/2009	01/01/2008
	VND	VND
4.1. Tạm ứng	<u>1.082.337.840</u>	
4.2. Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	<u>25.000.000</u>	

Chi tiết số dư khoản mục ký quỹ, ký cược ngắn hạn tại ngày 31/03/2009 là:

Trong đó:

Tiền ký quỹ đầu tư xây dựng

25.000.000

Tổng cộng

25.000.000

02050  
CÔNG  
CHÍNH  
CH VỤ  
CHÍNH  
VÀ KIỂM  
PHÍA  
TP. H

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính  
bắt đầu từ ngày 01/01/2008 và kết thúc vào ngày 31/03/2009

Đơn vị tính: VND

### 5. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH

#### 5.1 Tăng, giảm Tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	TSCĐ khác	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình</b>						
1. Số dư đầu năm	29.287.189.583	1.188.572.038	469.683.636	48.222.857	112.539.315	517.906.493
2. Số tăng trong năm		1.188.572.038	8.620.989.245	222.032.357	112.539.315	39.431.322.538
Bao gồm:						
- Mua trong năm		1.188.572.038	8.620.989.245	222.032.357	112.539.315	10.144.132.955
- Đầu tư XDCN hoàn thành	29.287.189.583					29.287.189.583
- Tặng khác						-
3. Số giảm trong năm						
Bao gồm:						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác						
4. Số dư cuối năm	29.287.189.583	1.188.572.038	9.090.672.881	270.255.214	112.539.315	39.949.229.031
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
1. Số dư đầu năm			15.656.120	3.516.254		19.172.374
2. Khấu hao trong năm	1.419.290.913	76.626.848	774.890.981	27.872.917	11.722.850	2.310.404.509
Bao gồm:						
- Khấu hao tăng trong năm	1.419.290.913	76.626.848	774.890.981	27.872.917	11.722.850	2.310.404.509
- Tặng khác						
3. Giảm trong năm						
Bao gồm:						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác						
4. Số dư cuối năm	1.419.290.913	76.626.848	790.547.101	31.389.171	11.722.850	2.329.576.883
<b>III. Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình</b>						
1. Tại ngày đầu năm			454.027.516	44.706.603		498.734.119
2. Tại ngày cuối năm	27.867.898.670	1.111.945.190	8.300.125.780	238.866.043	100.816.465	37.619.652.148



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính

Bắt đầu từ ngày 01/01/2008 và kết thúc vào ngày 31/03/2009

Đơn vị tính: VND

	31/03/2009 VND	01/01/2008 VND
<b>5.2 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>		
- Chi phí XDCB dở dang	2.235.916.544	19.821.023.676
Trong đó, những công trình, hạng mục lớn: + Nhà kho tại KCN Nam Tân Uyên	2.235.916.544	19.821.023.676
- Mua sắm tài sản cố định	672.000.000	
- Sửa chữa lớn tài sản cố định		
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.907.916.544</b>	<b>19.821.023.676</b>
<b>6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN</b>		
	31/03/2009 VND	01/01/2008 VND
<b>7.1 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh</b>		
Công ty Cổ phần Bất động sản và Kỹ thuật xăng dầu (Petec Land)	10.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>10.000.000.000</b>	
<b>7. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC</b>		
	31/03/2009 VND	01/01/2008 VND
<b>7.1 Chi phí trả trước dài hạn</b>		
Trong đó:		
1. Chi phí trả trước về thuê đất	25.760.129.213	56.971.137.698
2. Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;	1.696.655.085	
3. Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.	217.933.822	
4. Chi phí khác	112.720.259	55.448.182
<b>Tổng cộng</b>	<b>27.787.438.379</b>	<b>57.026.585.880</b>
	31/03/2009 VND	01/01/2008 VND
<b>7.2. Các khoản ký cược, ký quỹ dài hạn</b>	<b>50.000.000</b>	<b>50.000.000</b>
Trong đó		
Ký quỹ làm visa card	50.000.000	50.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>50.000.000</b>	<b>50.000.000</b>
<b>8. NỢ NGẮN HẠN</b>		
<b>8.1. Phải trả người bán</b>		
	31/03/2009 VND	01/01/2008 VND
	<b>3.093.797.542</b>	-
<b>Chi tiết số dư khoản mục phải trả người bán tại ngày 31/03/2009 là:</b>		
Trong đó:		
Công ty TNHH Xây dựng và Kết cấu Thép Trường Phú	2.822.035.537	
Công ty CP Vật tư Xăng dầu Bình Thuận	111.000.000	
Công ty TNHH DV Tổng hợp Thành Đạt Long	127.857.785	
Các đối tượng khác	32.904.220	
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.093.797.542</b>	



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính  
Bắt đầu từ ngày 01/01/2008 và kết thúc vào ngày 31/03/2009

Đơn vị tính: VND

### 8.2. Người mua trả trước

	31/03/2009	01/01/2008
	VND	VND
	<u>4.079.838.042</u>	-
<b>Chi tiết số dư khoản mục Người mua trả trước tại ngày 31/03/2009 là:</b>		
Trong đó:		
Công ty Louis Dreyfus Commodity Suisse VN (Doanh thu nhận trước tiền thuê kho)	3.877.843.027	
Công ty Louis Dreyfus Commodity Suisse VN	167.546.718	
Các đối tượng khác	34.448.297	
<b>Tổng cộng</b>	<u><u>4.079.838.042</u></u>	

### 8.3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	31/03/2009	01/01/2008
	VND	VND
	<u>4.023.335</u>	<u>2.404.915</u>
<b>8.3.1 Thuế phải nộp nhà nước</b>		
- Thuế GTGT	-	-
- Thuế TTĐB	-	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	-
- Thuế TNDN	-	-
- Thuế tài nguyên	-	-
- Thuế nhà đất	-	-
- Tiền thuê đất	-	-
- Các loại thuế khác	4.023.335	2.404.915
+ Thuế thu nhập cá nhân	4.023.335	2.404.915
+ Các loại thuế khác	-	-
<b>8.3.2 Các khoản phải nộp khác</b>		
- Các khoản phí, lệ phí	-	-
- Các khoản phải nộp khác	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<u><u>4.023.335</u></u>	<u><u>2.404.915</u></u>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

	31/03/2009	01/01/2008
	VND	VND
	<u>264.138.379</u>	-
<b>8.4 Chi phí phải trả</b>		
Trong đó:		
Chi phí bảo dưỡng cơ sở hạ tầng KCN	223.138.379	
Chi phí thuê nhà văn phòng đại diện	41.000.000	
<b>Tổng cộng</b>	<u><u>264.138.379</u></u>	-

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính

Bắt đầu từ ngày 01/01/2008 và kết thúc vào ngày 31/03/2009

Đơn vị tính: VND

### 8.5 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/03/2009 VND	01/01/2008 VND
- Tài sản thừa chờ xử lý		
- BHYT		
- BHXH	49.243.571	51.379.500
- KPCĐ	-	6.433.350
- Doanh thu chưa thực hiện		
- Phải trả về cổ phần hoá		
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn		
- Cổ tức phải trả		
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	23.866.881	
<b>Tổng cộng</b>	<b>73.110.452</b>	<b>57.812.850</b>

### 9. NỢ DÀI HẠN

#### 9.1 Vay và nợ dài hạn

Trong đó:

Vay Ngân hàng TMCP Đông Á - CN Bình Dương

**Tổng cộng**

	31/03/2009 VND	01/01/2008 VND
Vay Ngân hàng TMCP Đông Á - CN Bình Dương	4.173.598.371	
<b>Tổng cộng</b>	<b>4.173.598.371</b>	-

#### Ghi chú:

Chi tiết số dư khoản vay dài hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á - Chi nhánh Bình Dương sau đây:

Đối tượng cho vay	Số hợp đồng	Lãi suất	Thời hạn	Hạn mức	Số dư (VND)
NH TMCP Đông Á CN Bình Dương	H0059/12 (*)	10,5%/năm	84 tháng	900.000.000	900.000.000
NH TMCP Đông Á CN Bình Dương	H0045/12 (**)	1,4%/tháng	59 tháng	471.170.810	419.170.810
NH TMCP Đông Á CN Bình Dương	H0044/12 (**)	1,4%/tháng	60 tháng	3.212.427.561	2.854.427.561

(\*) Lãi suất áp dụng cho năm đầu tiên là 10,5%/năm, từ năm thứ hai trở đi lãi suất = lãi suất tiết kiệm 12 tháng (trả lãi cuối kỳ) + 3,6%/năm

(\*\*) Lãi suất áp dụng cho năm đầu tiên là 1,4%/tháng, từ năm thứ hai trở đi lãi suất = lãi suất tiết kiệm 24 tháng (trả lãi cuối kỳ) + 0,5%/tháng

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho giai đoạn tài chính  
Bắt đầu từ ngày 01/01/2008 và kết thúc vào ngày 31/03/2009

Đơn vị tính: VND

**10. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**10.1. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

Chi tiêu	Vốn góp	Lợi nhuận sau thuế chưa phân	Tổng cộng
- Số dư đầu kỳ	53.824.500.000	-	53.824.500.000
- Tăng trong kỳ	18.101.000.000	(1.489.878.928)	16.611.121.072
Trong đó:			
- Vốn góp trong kỳ	18.101.000.000		18.101.000.000
- Lãi (lỗ) trong kỳ		(1.489.878.928)	(1.489.878.928)
- Giảm trong kỳ			-
- Số dư cuối kỳ	71.925.500.000	(1.489.878.928)	70.435.621.072

**Ghi chú:**

Trong kỳ số vốn góp bổ sung là 18.101.000.000 VND, trong đó:

+ Vốn góp bằng tiền mặt, tiền gửi ngân hàng	9.333.000.000
+ Vốn góp bằng tiền TSCĐ (8 xe ô tô tải)	768.000.000
+ Vốn góp khác	8.000.000.000

(Công ty Cổ phần Bất động sản và Kỹ thuật xăng dầu - Petec Land)

**Cộng** 18.101.000.000

**10.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tại ngày 31/03/2009		Tại ngày 01/01/2008	
	Tổng số	Vốn cổ phần thường	Tổng số	Vốn cổ phần thường
Vốn đầu tư của Nhà nước				
Vốn góp (cổ đồng, thành viên...)	71.925.500.000	71.925.500.000	53.824.500.000	53.824.500.000
+ Pháp nhân	39.000.000.000	39.000.000.000	23.400.000.000	23.400.000.000
+ Thẻ nhân	32.925.500.000	32.925.500.000	30.424.500.000	30.424.500.000
Thặng dư vốn cổ phần				
Cổ phiếu ngân quỹ(*)				
<b>Cộng</b>	<u><u>71.925.500.000</u></u>	<u><u>71.925.500.000</u></u>	<u><u>53.824.500.000</u></u>	<u><u>53.824.500.000</u></u>

**10.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận**

	Giai đoạn từ ngày 01/01/2008 đến ngày 31/03/2009
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	
+ Vốn góp đầu kỳ	53.824.500.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	18.101.000.000
+ Vốn góp giảm trong kỳ	
+ Vốn góp cuối kỳ	71.925.500.000
- Cổ tức lợi nhuận đã chia	



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH***Cho giai đoạn tài chính**Bắt đầu từ ngày 01/01/2008 và kết thúc vào ngày 31/03/2009*

Đơn vị tính: VND

**10.4. Cổ phiếu**

	<i>Giai đoạn từ ngày 01/01/2008 đến ngày 31/03/2009</i>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.810.100
+ <i>Cổ phiếu thường</i>	1.810.100
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	
- Số lượng Cổ phiếu được mua lại	
+ <i>Cổ phiếu thường</i>	
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.192.550
+ <i>Cổ phiếu thường</i>	7.192.550
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu</i>	

205064  
 CÔNG TY  
 NHẬN HỮU  
 VU TƯ  
 HÌNH KẾ  
 KIỂM TÌM  
 HIA NA  
 TP. HỒ

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
*Cho giai đoạn tài chính*  
*bắt đầu từ ngày 01/01/2008 và kết thúc vào ngày 31/03/2009*

Đơn vị tính: VND

**11. DOANH THU**

**Chi tiêu**

**11.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

**- Tổng doanh thu**

+ Doanh thu bán hàng	3.174.471.216
+ Doanh thu cung cấp dịch vụ	12.560.438.509

**- Các khoản giảm trừ doanh thu**

+ Chiết khấu thương mại	-
+ Giảm giá hàng bán	-
+ Hàng bán bị trả lại	-
+ Thuế GTGT phải nộp (phương pháp trực tiếp)	-
+ Thuế TTĐB	-
+ Thuế xuất khẩu	-

**- Doanh thu thuần**

**15.734.909.725**

**Trong đó:**

+ Doanh thu thuần trao đổi hàng hoá	3.174.471.216
+ Doanh thu thuần trao đổi dịch vụ	12.560.438.509

**11.2. Doanh thu hoạt động tài chính**

- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	474.981.876
- Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	103.758.964
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	-
- Lãi bán ngoại tệ	360.799.105
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	10.423.807
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	-

**11.3. Thu nhập khác**

**8.474.080**

- Thu nhập từ khách hàng vi phạm hợp đồng	-
- Thu nhập do được khuyến mại	-
- Thu từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ	-
- Thu nhập khác	8.474.080

**12. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

- Giá vốn của hàng hoá đã cung cấp	3.159.918.000
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	10.791.064.265

**Tổng cộng**

**13.950.982.265**

Giai đoạn từ  
ngày 01/01/2008 đến  
ngày 31/03/2009



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
*Cho giai đoạn tài chính*  
*bắt đầu từ ngày 01/01/2008 và kết thúc vào ngày 31/03/2009*

**13. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Giai đoạn từ ngày 01/01/2008 đến ngày 31/03/2009
- Chi phí vật liệu bao bì đóng gói	
- Chi phí khấu hao TSCĐ	
- Chi phí công cụ, dụng cụ	
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	213.382.158
- Chi phí bằng tiền khác	211.188.616
<b>Tổng cộng</b>	<b>424.570.774</b>

**14. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Giai đoạn từ ngày 01/01/2008 đến ngày 31/03/2009
- Chi phí nhân viên quản lý	1.404.437.626
- Chi phí vật liệu quản lý	
- Chi phí đồ dùng văn phòng	60.428.259
- Chi phí khấu hao TSCĐ	98.933.598
- Thuế, phí, lệ phí	
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	396.816.963
- Chi phí bằng tiền khác	330.318.057
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.290.934.503</b>

**15. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Giai đoạn từ ngày 01/01/2008 đến ngày 31/03/2009
- Chi phí hoạt động tài chính	
- Chi phí lãi vay	703.002.898
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	240.773.756
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	23.335.385
- Chênh lệch tỷ giá	
- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn	
- Chi phí chuyển nhượng góp vốn liên doanh	
<b>Tổng cộng</b>	<b>967.112.039</b>

**16. CHI PHÍ KHÁC**

	Giai đoạn từ ngày 01/01/2008 đến ngày 31/03/2009
- Chi phí khác (chi phí bồi thường)	74.645.028
<b>Tổng cộng</b>	<b>74.645.028</b>



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính

bắt đầu từ ngày 01/01/2008 và kết thúc vào ngày 31/03/2009

### 17. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Giai đoạn từ  
ngày 01/01/2008 đến  
ngày 31/03/2009

- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành

- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay

**Tổng cộng**

#### Ghi chú:

a. Theo như quy định tại Thông tư số 134/2007/TT-BTC ngày 23/11/2007 hướng dẫn thi hành Nghị định số 24/2007/NĐ-CP ngày 14 tháng 2 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/09/2006 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư, thuế TNDN Công ty phải nộp được ưu đãi như sau:

- Thuế suất thuế TNDN được ưu đãi 20% áp dụng trong 10 năm từ khi đi vào hoạt động kinh doanh.
- Công ty được miễn thuế TNDN trong 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 6 năm tiếp theo.

b. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ xác định như sau:

#### **Chi tiêu**

Giai đoạn từ  
ngày 01/01/2008 đến  
ngày 31/03/2009

- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(1.489.878.928)
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN (*)	1.223.537.150
+ Các khoản điều chỉnh tăng	1.223.537.150
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	23.335.385
Chi phí lãi vay tương ứng với phần vốn chưa góp đủ	703.002.898
Chi phí không được tính vào chi phí hợp lý	497.198.867
+ Các khoản điều chỉnh giảm	
- Tổng thu nhập chịu thuế	(266.341.778)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ	-

### 18. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Giai đoạn từ  
ngày 01/01/2008 đến  
ngày 31/03/2009

<b>Chi tiêu</b>	
1. Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.693.289.210
2. Chi phí nhân công	3.217.590.990
3. Chi phí khấu hao TSCĐ	2.319.254.856
4. Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.674.077.362
5. Chi phí khác bằng tiền	1.602.357.124
6. Chi phí trích lập dự phòng phải thu khó đòi	
<b>Tổng cộng</b>	<b>13.506.569.542</b>

205068  
CÔNG TY  
NHỆM HỮU  
H VU TỰ V  
HÌNH KẾ  
KIỂM TO  
PHÍA NAI  
TP. HỒ

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
*Cho giai đoạn tài chính*  
*bắt đầu từ ngày 01/01/2008 và kết thúc vào ngày 31/03/2009*

**IV. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1. Số liệu đầu kỳ**

Số liệu đầu kỳ là số liệu cuối năm trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 chưa được kiểm toán. Số liệu này đã được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay.

Lập, Ngày 02 tháng 06 năm 2009

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Lê Đức

Huỳnh Xuân Hồng

